TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp vay tài sản
và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thùy L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 01 đường HTP, khu phố NT1, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà L có mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thùy L trình bày:

Bà L có tham gia hụi của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà H bị kết án 16 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định

đình chỉ xét xử phúc thẩm số 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà L số tiền 37.440.000 đồng. Bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền vay 5.000.000 đồng, tiền hụi góp 18.560.000 đồng. Tổng 02 số tiền 23.560.000 đồng.

Tại tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Tiền vay 5.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu trả lại tiền hụi gốc 6.240.000 đồng và bà L không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà H trình bày:

Bà H thừa nhận bà L có tham gia loại hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 05-6-2019 Al, có 18 phần hụi. Bà L tham gia 04 phần, đã hốt 03 phần hụi, còn lại 01 phần hụi sống bà L chưa hốt. Bà H cho rằng bà L còn nợ tiền hụi chết, nếu khấu trừ tiền hụi chết, bà L còn nợ lại bà H nhưng số tiền bao nhiêu thì bà H không nhớ, bà H không yêu cầu bà L trả số tiền hụi chết này.

Bà H không thừa nhận có vay của bà L số tiền 5.000.000 đồng.

Bà H không đồng ý trả số tiền 6.240.000 đồng cho bà L. Ngoài ra bà H không yêu cầu nào khác.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 6.240.000 đồng, đình chỉ phần bà L rút yêu cầu khởi kiện. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 5.000.000 đồng hụi 18.560.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được

quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và 463 ; Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Tại tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền vay 5.000.000 đồng; số tiền lãi hụi 12.320.000 đồng và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi gốc còn nợ 6.240.000 đồng, thấy rằng:

Bà L cung cấp sổ hụi có ghi thông tin về hụi do chính bà H viết ra, Thống kê tiền bị can Nguyễn Thị H chiếm đoạt trong dây hụi số 7. Hụi 1.000.000 đồng, khui tháng 5-6/2019 AL; Biên bản lấy lời khai hồi 08 giờ 30 phút ngày 29-4-2021 của công an điều tra tỉnh TN thể hiện còn 01 chân hụi sống và đã đóng (góp) hụi của chân hụi sống còn lại còn lại đến tháng 3 năm 2020 AL. Như vậy, căn cứ vào lời khai của bà L, bà H và sổ hụi, danh sách do cơ quan điều tra công an tỉnh TN lập: Bà L đã góp được 14 lần X số tiền 780.000 đồng X 04 chân hụi = 43.680.000 đồng.

Mặt khác, bà H khai, khi đăng hụi bà H không ghi ra giấy hụi, không nhớ đang bao nhiêu người chơi, bao nhiêu tiền, không nhớ thời gian và địa điểm đăng hụi. Bà H đã đăng hụi nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, hợp pháp, chứng minh bà H khai đăng hụi cho bà L là không có thật.

[5] Cách tính hụi như sau: 43.680.000 đồng -37.440.000 đồng (số tiền bà H chiếm đoạt trong bản án hình sự) = 6.240.000 đồng.

Từ các nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà L yêu cầu bà H thanh toán (trả) số tiền nợ hụi gốc 6.240.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

[6] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán (trả) cho bà Võ Thị Thùy L số tiền 6.240.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Võ Thị Thùy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 312.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hụi,

họ, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy L đối với bà Nguyễn Thị H về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Võ Thị Thùy L số tiền nợ hụi là 6.240.000 (Sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy L đối với số tiền vay và số tiền lãi hụi 17.320.000 (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bà Võ Thị Thùy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí 589.000 (Năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng theo biên lai số 0001267 ngày 09-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN.

3.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 312.000 (Ba trăm mười hai nghìn) đồng.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

- Lưu tập án.

Trần Trọng Nghĩa